

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

BÁO CÁO
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Năm 2024

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

CHỦ SỞ HỮU: UBND TỈNH NAM ĐỊNH

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2024

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CÔNG TY

1.1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty

a) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

- Vốn chủ sở hữu đến 30/06/2024 là: 867.604 triệu đồng (trong đó: vốn góp của chủ sở hữu: 867.041 triệu đồng, Quỹ Đầu tư phát triển: 303 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 260 triệu đồng).

- Tổng tài sản đến 30/06/2024: 869.555 triệu đồng;

- Lợi nhuận sau thuế: 81 triệu đồng;

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,0093%, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,0093 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,0093%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,0093 đồng lợi nhuận sau thuế.

b) Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước:

- Tình hình đầu tư dự án:

6 tháng đầu năm 2024 công ty tiếp tục làm chủ đầu tư 2 dự án:

+ Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà và Xuân Thủy- hạng mục hệ thống thủy lợi Xuân Thủy với tổng mức đầu tư là 138.638 triệu đồng, thời gian thực hiện từ năm 2023 – 2026. Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là 63.281 triệu đồng. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến hết tháng 6 năm 2024 là: 103.945 triệu đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao là 82.000 triệu đồng. Kinh phí đã giải ngân 6 tháng đầu năm là: 63.631 triệu đồng đạt 77,6 % kinh phí được giao năm 2024. Lũy kế vốn đã được giao là: 122.000 triệu đồng. Lũy kế đã giải ngân đến hết tháng 6 năm 2024 của dự án là: 103.631 triệu đồng.

+ Dự án nạo vét, kè gia cố mái kênh CH3 đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật với tổng mức đầu tư 14.998 triệu đồng, thời gian thực hiện 2023-2025. Năm 2023 dự án được bố trí vốn 5 tỷ đồng nhưng chưa giải ngân được nên chuyển nguồn sang năm 2024. 6 tháng đầu năm Công ty đã tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công và dự án đang triển khai thi công. Giá trị khối lượng thực hiện 814 triệu đồng. Giá trị giải ngân lũy kế đến nay: 4.046 triệu đồng

- Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không

- **Tình hình huy động và sử dụng vốn:** không

- **Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:**

+ Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ theo quy định của pháp luật:

Tài sản số định đến ngày 30/06/2024: 858.607 triệu đồng giảm so với cuối năm 2023 là: 17 triệu đồng là do công ty trích khấu hao TSCĐ 6 tháng đầu năm 2024

+ Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Công ty xây dựng quy chế theo quyết định số 85B ngày 01 tháng 12 năm 2021 về ban hành quy chế quản lý công nợ.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo là: Tổng số nợ phải thu đến kỳ báo cáo là 1.120 triệu đồng, giảm so với đầu năm là 603 triệu đồng.

Nợ phải thu của công ty bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 998 triệu đồng; Phải thu ngắn hạn khác: 165 triệu đồng; Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: - 49 triệu đồng; trả trước cho người bán: 6 triệu đồng. Trong đó: khoản nợ phải thu khó đòi là 49 triệu đồng là của Công ty TNHH MTV Quang Điện- Điện Tử, công ty là đơn vị thi công làm B công trình cải tạo nhà xưởng nhà máy Z119.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải trả 1.951 triệu đồng; giảm so với đầu năm là 1.732 triệu đồng. Công ty không có nợ phải trả quá hạn. Nợ phải trả của công ty bao gồm: Phải trả cho người bán ngắn hạn: 1.012 triệu đồng, thuế và các khoản phải trả Nhà nước 22 triệu đồng, phải trả ngắn hạn khác 815 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi: 102 triệu đồng.

Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 4,51 lần, hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt đảm bảo an toàn về tài chính.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,0022 lần cho thấy khoản nợ rất nhỏ so với vốn chủ sở hữu.

c) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính:

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy có hoạt động sản xuất chính đặc thù trong lĩnh vực thủy nông, sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của công ty là diện tích tưới, tiêu mà công ty phục vụ cho địa bàn mình quản lý. Hoạt động sản xuất phụ là nhận thầu thi công xây lắp, tư vấn thiết kế các công trình xây dựng cơ bản.

- Diện tích tưới, tiêu công ty thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 đã nghiệm thu là: 13.535,09 ha bằng 32,38% so với kế hoạch năm 2024 và bằng 96,49% so với cùng kỳ năm 2023; bằng 97,79 so với cùng kỳ năm 2022. Diện tích tưới tiêu 6 tháng đầu năm thấp so với kế hoạch năm là do diện tích tưới tiêu cho muối, thủy sản, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây hoa dược liệu và diện tích tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị công ty ký hợp đồng đặt hàng theo năm nên cuối năm mới nghiệm thu thanh toán.

- Về doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 là: 24.277 triệu đồng, đạt 50,42% so với kế hoạch năm, giảm so với 6 tháng đầu năm 2023 là 143 triệu đồng tương ứng giảm 0,59%, giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 là: 2.173 triệu đồng tương ứng giảm 8,22%.

- Hiệu quả hoạt động:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,0093%, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,0093 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,0093%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,0093 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Tình hình thực hiện sản phẩm công ích:

+ Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích diện tích tưới tiêu (ha) thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024 là: 13.535,09 ha bằng 32,38% so với kế hoạch năm 2024, không có ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ không đạt yêu cầu.

+ Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024 là: 23.952 triệu đồng, bằng 50% so với kế hoạch năm và bằng 98,92% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Về doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong 6 tháng đầu năm 2024 là: 23.952 triệu đồng, bằng 50% so với kế hoạch và bằng 98,92% so với cùng kỳ năm 2023.

- Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo:

Doanh nghiệp luôn có khả năng cân đối dòng tiền doanh nghiệp tạo ra với nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và có khả năng thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp. Điều này thể hiện ở hệ số thanh toán nợ đến hạn tại thời điểm 30/06/2024 là 4,51 lần; cùng kỳ năm 2023 hệ số là 3,39 lần. Như vậy hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt, duy trì ổn định trong những năm tới.

d) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

+ Số phải nộp năm trước chuyển sang: -207,61 triệu đồng

+ Số phải nộp phát sinh trong kỳ: 83,78 triệu đồng

+ Số đã nộp trong kỳ: 88,35 triệu đồng

+ Số phải nộp chuyển sang kỳ sau: -212,17 triệu đồng.

- Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định.

+ Tháng 01/2024 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 168 triệu đồng trong đó trích vào quỹ khen thưởng là 150 triệu đồng và quỹ phúc lợi 18 triệu đồng. Công ty được UBND tỉnh Nam Định tặng bằng khen và Sở Nội vụ chuyển 10,8 triệu đồng về quỹ khen thưởng của công ty.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2024 công ty sử dụng quỹ khen thưởng để khen thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy chế bình xét thi đua năm 2023 của công ty với số tiền là 160,35 triệu đồng.

d) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật:

Trong năm vừa qua, công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện chấp hành đúng chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện kiến nghị của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

Kết luận số 16/KL-TT ngày 21/6/2024 của Thanh tra sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định về việc chấp hành pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội kiến nghị một số nội dung. Công ty đã nghiêm túc thực hiện các kiến nghị cụ thể như sau:

+ Một số nội dung trong hợp đồng lao động chưa ghi cụ thể trang bị bảo hộ cho người lao động, ghi không đúng hình thức trả lương, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề: Công ty đã nghiêm túc thực hiện bổ sung, sửa đổi ngay vào các hợp đồng lao động.

+ Nội dung kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm của doanh nghiệp chưa đầy đủ theo điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động: Công ty đã nghiêm túc rút kinh nghiệm và sẽ bổ sung đầy đủ các nội dung theo quy định vào các năm tiếp theo.

e) Giải trình của công ty đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: không có

1.2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của công ty

6 tháng đầu năm 2024 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty còn có những khó khăn chủ yếu do nguyên nhân khách quan: Giá cả yếu tố đầu vào tăng theo cơ chế thị trường, thời tiết diễn biến bất thường ... Nhưng công ty vẫn đảm bảo phục vụ tưới, tiêu tốt cho diện tích 13.535,09 ha. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích là: 23.952 triệu đồng. Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 4,51 lần đảm bảo an toàn về tài chính. Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm cho người lao động, chấp hành đầy đủ pháp luật và các quy định của nhà nước.

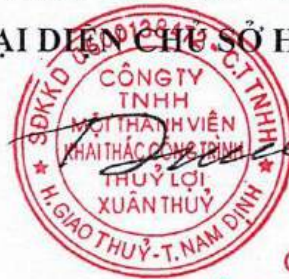
2. KẾT LUẬN CỦA CÔNG TY

- Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, đảm bảo công tác an sinh xã hội, việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên.
- Các chỉ tiêu tài chính của công ty tốt, công ty đảm bảo an toàn về tài chính.
- Công ty đã chấp hành đầy đủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính ☒ - Mất an toàn về tài chính ☐

Giao Thủy, ngày ... tháng ... năm 2024

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU



**CHỦ TỊCH
ĐẶNG MẠNH DƯƠNG**

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư (Triệu đồng)							Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/06/2024 (Triệu đồng)				Giải ngân đến ngày 30/06/2024 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%	Vốn nhà nước	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày		
I	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
A	Các dự án nhóm A																				
B																					
I	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống TL Bắc Nam Hà Xuân Thủy hạng mục hệ thống TL Xuân Thủy	QĐ 4498/QĐ-BNN-TCTL	138.638					138.638	100	2023-2026			40.664	63.281	103.945	40.000	63.631	103.631			
C	Các dự án khác																				
I	Nạo vét kè gia cố mái kênh CH3 thuộc HTTN Xuân Thủy	QĐ 1064/QĐ-UBND	14.998					14.998	100	2023-2025			-	814	814	-	4.046	4.046			
	Tổng cộng		153.636					15.004					40.664	64.095	104.759	40.000	67.677	107.677			

Giống nhau ngày tháng 8 năm 2024



NGƯỜI LẬP

gelly

Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty LK	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty LK	
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)				Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm báo cáo	Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm báo cáo					
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/20... hoặc 31/12/20...	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/20... hoặc 31/12/20...										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(15)/(5)	(17)	(18)
I	Công ty con																
II	Công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính							X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X

NGƯỜI LẬP

goc
Nguyễn Thị Phương

Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV KTCCTL XUÂN THỦY, 08 năm 2024



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Nội dung	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	Kế hoạch năm 2024
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[2]	[7]=[5]/[3]	[8]=[5]/[4]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	13.841,10	14.027,13	41.798,83	13.535,09	97,79	96,49	32,38
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.289,76	24.168,36	47.905,58	24.165,26	91,92	99,99	50,44
2. Giá vốn hàng bán	24.528,31	22.603,07	43.905,58	22.411,92	91,37	99,15	51,05
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.761,45	1.565,29	4.000,00	1.753,33	99,54	112,01	43,83
4. Doanh thu hoạt động tài chính	129,80	231,03	220,00	86,65	66,76	37,51	39,39
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.770,99	1.630,08	4.000	1.746,57	98,62	107,15	43,66
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	120,26	166,24	220,00	93,41	77,68	56,19	42,46
9. Thu nhập khác	30,66	20,60	20,00	25,20	82,19	122,33	126,00
10. Chi phí khác	21,06	16,79	16,00	17,39	82,57	103,57	108,69
11. Lợi nhuận khác	9,60	3,81	4,00	7,81	81,35	204,99	195,25
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	129,86	170,05	224,00	101,22	77,95	59,53	45,19
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25,98	34,01	44,80	20,29	78,10	59,66	45,29
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	103,88	136,04	179,20	80,93	77,91	59,49	45,16

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Phương

Giao Thuyết ngày tháng 8 năm 2024



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

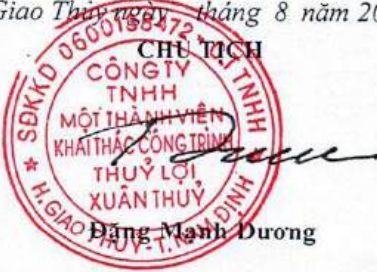
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm. (Ha)	41.798,83	13.535,09	32,38	96,49
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	Không	Không		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	Không	Không		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (tr đồng)	47.905,58	23.952,00	50,00	98,92
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (tr đồng)	47.905,58	23.952,00	50,00	98,92

NGƯỜI LẬP

Giao Thủy ngày 15 tháng 8 năm 2024


Nguyễn Thị Phương


Đặng Mạnh Dương

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ năm sau
1. Thuế	(207,61)	83,53	88,10	(212,17)
- Thuế GTGT	(252,62)	19,04		(233,58)
- Thuế TNDN	44,72	20,29	44,72	20,29
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-			
- Thuế đất	-	33,44	33,44	-
- Các khoản thuế khác	-			-
- Thuế môn bài	-	3,00	3,00	-
- Thuế TNCN	0,29	7,76	6,94	1,11
2. Các khoản phải nộp khác	-	0,25	0,25	-
- Phí, lệ phí	-			-
- Các khoản phải nộp khác	-	0,25	0,25	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Tổng cộng	(207,61)	83,78	88,35	(212,17)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	302,99			302,99
2. Quỹ Khen thưởng	29,83	160,80	160,35	30,28
3. Quỹ phúc lợi	53,40	18,00		71,39
3. Quỹ thương VCQLDN				
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Phương

